

**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 62/2020/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2020/NĐ-CP**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BNV ngày tháng năm 2023 của Bộ Nội vụ)

<p align="center"><b>Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức</b></p>	<p align="center"><b>Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.</b></p>	<p align="center"><b>Dự thảo Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định 62/2020/NĐ-CP và Nghị định 106/2020/NĐ-CP</b></p>
<p>Căn cứ <a href="#">Luật Tổ chức Chính phủ</a> ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ <a href="#">Luật Cán bộ, công chức</a> ngày 13 tháng 11 năm 2008 và <a href="#">Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức</a> ngày 25 tháng 11 năm 2019; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Chính phủ ban hành Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức.</p>	<p>Căn cứ <a href="#">Luật Tổ chức Chính phủ</a> ngày 19 tháng 6 năm 2015 và <a href="#">Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương</a> ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ <a href="#">Luật Viên chức</a> ngày 15 tháng 11 năm 2010 và <a href="#">Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức</a> ngày 25 tháng 11 năm 2019; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Chính phủ ban hành Nghị định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>Căn cứ <a href="#">Luật Tổ chức Chính phủ</a> ngày 19 tháng 6 năm 2015; <a href="#">Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương</a> ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ <a href="#">Luật Cán bộ, công chức</a> ngày 13 tháng 11 năm 2008; Căn cứ <a href="#">Luật Viên chức</a> ngày 15 tháng 11 năm 2010; Căn cứ <a href="#">Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức</a> ngày 25 tháng 11 năm 2019; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Chính phủ ban hành Nghị định về vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính đơn vị sự nghiệp công lập.</p>
<p align="center"><b>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	<p align="center"><b>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	<p align="center"><b>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>
<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền quyết</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị định này quy định về nguyên tắc, trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền quyết định</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> (gộp Điều 1 của 02 Nghị định và biên tập lại)</p>

<p>định và điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, biên chế công chức.</p>	<p>và điều chỉnh vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>Nghị định này quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là biên chế sự nghiệp).</p>
<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.</li> <li>2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</li> </ol>	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p>	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> (gộp Điều 2 của 02 Nghị định và biên tập lại)</p> <p>Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.</li> <li>2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là địa phương).</li> <li>3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, ngành, địa phương).</li> </ol>
<p><b>Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế công chức.</li> </ol>	<p><b>Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và của pháp luật về vị trí việc làm, số lượng người làm việc và tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập.</li> </ol>	<p><b>Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp</b> (gộp Điều 3 của 02 Nghị định và bổ sung, biên tập lại)</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp.</li> </ol>

<p>2. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức.</p> <p>3. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức với sử dụng và quản lý biên chế công chức.</p> <p>4. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.</p> <p>5. Gắn tình giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong các cơ quan, tổ chức.</p>	<p>2. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>3. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>4. Bảo đảm một người làm việc phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm.</p> <p>5. Bảo đảm cơ cấu hợp lý, trong đó số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>2. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>3. Phù hợp với phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực từ trung ương đến địa phương.</p> <p>4. Bảo đảm tính thống nhất, liên thông từ trung ương đến cấp huyện; đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với quản lý và sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp.</p> <p>5. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn.</p> <p>6. Kế thừa các vị trí việc làm có ngạch công chức chuyên ngành theo quy định của pháp luật; vị trí việc làm lãnh đạo quản lý; nghiệp vụ chuyên ngành; hỗ trợ, phục vụ đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực. Mỗi vị trí việc làm phải gắn với một chức danh, ngạch công chức, hạng viên chức và nội dung công việc vụ thể.</p> <p>7. Không căn cứ vào biên chế hiện có của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng danh mục vị trí việc làm.</p> <p>8. Gắn tình giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p><i>(Chuyển khoản 5 xuống Điều 6)</i></p>
--	---	--

<p><b>Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức</b></p> <p>1. Căn cứ xác định vị trí việc làm</p> <p>a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức;</p> <p>b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Căn cứ xác định biên chế công chức</p> <p>a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm;</p> <p>b) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;</p> <p>c) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức được giao;</p> <p>d) Đối với cơ quan, tổ chức ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Căn cứ xác định cơ cấu ngạch công chức</p> <p>a) Vị trí việc làm;</p>	<p><b>Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp</b></p> <p>1. Căn cứ xác định vị trí việc làm bao gồm:</p> <p>a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Căn cứ xác định số lượng người làm việc bao gồm:</p> <p>a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>b) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;</p> <p>c) Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị.</p> <p>3. Căn cứ xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp bao gồm:</p> <p>a) Danh mục vị trí việc làm;</p> <p>b) Mức độ phức tạp của công việc của vị trí việc làm;</p>	<p><b>Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (gộp Điều 4 của 02 Nghị định và biên tập lại)</b></p> <p>1. Căn cứ xác định vị trí việc làm</p> <p>a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Căn cứ xác định biên chế công chức, biên chế sự nghiệp</p> <p>a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm, trừ vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ;</p> <p>b) Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;</p> <p>c) Thực tế việc sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp được giao;</p> <p>d) Đối với cơ quan, tổ chức hành chính ở địa phương, ngoài các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này còn phải căn cứ vào quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và đặc điểm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Căn cứ xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp</p> <p>a) Danh mục vị trí việc làm;</p>
--	--	--

<p>b) Mức độ phức tạp của công việc đối với từng vị trí việc làm;</p> <p>c) Tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm.</p>	<p>c) Tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.</p>	<p>b) Mức độ phức tạp của công việc đối với từng vị trí việc làm;</p> <p>c) Tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng với vị trí việc làm.</p>
<p><b>Chương II</b> <b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU</b> <b>NGẠCH CÔNG CHỨC</b></p>	<p><b>Chương II</b> <b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG ĐƠN VỊ</b> <b>SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b></p>	<p><b>Chương II</b> <b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH</b> <b>CÔNG CHỨC, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO</b> <b>CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP</b></p>
<p><b>Điều 5. Phân loại vị trí việc làm</b></p> <p>1. Phân loại theo khối lượng công việc</p> <p>a) Vị trí việc làm do một người đảm nhiệm;</p> <p>b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhiệm;</p> <p>c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.</p> <p>2. Phân loại theo tính chất, nội dung công việc</p> <p>a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý;</p> <p>b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành;</p> <p>c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (tài chính, kế hoạch và đầu tư, thanh tra, pháp chế, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, văn phòng và một số vị trí việc làm đặc thù khác);</p> <p>d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.</p>	<p><b>Điều 5. Phân loại vị trí việc làm</b></p> <p>1. Phân loại theo khối lượng công việc</p> <p>a) Vị trí việc làm do một người đảm nhận.</p> <p>b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận.</p> <p>c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.</p> <p>2. Phân loại theo tính chất, nội dung công việc</p> <p>a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.</p> <p>b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.</p> <p>c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập).</p> <p>d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.</p>	<p><b>Điều 5. Phân loại vị trí việc làm</b> (<i>gộp Điều 5 của 02 Nghị định và biên tập lại</i>)</p> <p>1. Phân loại theo khối lượng công việc</p> <p>a) Vị trí việc làm do một người đảm nhiệm;</p> <p>b) Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhiệm;</p> <p>c) Vị trí việc làm kiêm nhiệm.</p> <p>2. Phân loại theo tính chất, nội dung công việc</p> <p>a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý;</p> <p>b) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành;</p> <p>c) Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung;</p> <p>d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.</p>

<p><b>Điều 6. Cơ cấu ngạch công chức</b></p> <p>1. Cơ cấu ngạch công chức của mỗi cơ quan, tổ chức là tỷ lệ % (phần trăm) công chức giữ các ngạch phù hợp với vị trí việc làm và mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể việc xác định cơ cấu ngạch công chức.</p>		<p><b>Điều 6. Cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp</b> (gộp Điều 6 Nghị định 62 và khoản 5 Điều 3 Nghị định 106 và biên tập lại)</p> <p>1. Cơ cấu ngạch công chức của mỗi cơ quan, tổ chức là tỷ lệ % (phần trăm) công chức giữ các ngạch phù hợp với vị trí việc làm và mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm.</p> <p>2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập là tỷ lệ % (phần trăm) giữ các vị trí việc làm, trong đó biên chế sự nghiệp tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số biên chế sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, không bao gồm số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.</p>
<p><b>Điều 7. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm</b></p> <p>1. Các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương) căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm để xây dựng đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này để thẩm định.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương tiếp</p>		<p><b>Điều 7. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính</b> (biên tập lại Điều 7 Nghị định số 62)</p> <p>1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm để xây dựng Đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định Đề án vị trí việc làm, tổng hợp vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ,</p>

<p>nhận hồ sơ, thẩm định đề án vị trí việc làm, tổng hợp vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.</p>		<p>ngành, địa phương, trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Người đứng đầu bộ, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.</p>
	<p><b>Điều 6. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm</b></p> <p>1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập để trình Hội đồng quản lý thông qua; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua.</p> <p>2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình</p>	<p><b>Điều 8. Trình tự phê duyệt vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập</b> (biên tập lại Điều 6 Nghị định số 106)</p> <p>1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí việc làm để xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt Đề án vị trí việc làm. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã thành lập Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt sau khi trình Hội đồng quản lý thông qua.</p> <p>2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên)</p> <p>a) Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về vị trí</p>

người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

a) Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản này thẩm định.

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương)

việc làm để xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để gửi cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản này;

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập và trình cấp có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản này;

c) Người đứng đầu bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định phê duyệt Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học công lập ban hành danh mục vị trí việc làm của đơn vị theo quy định của [Luật Giáo dục đại học](#) và Nghị định này.



	<p>hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định thực hiện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản này phê duyệt.</p> <p>c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm theo quy định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>4. Hội đồng trường của trường đại học công lập ban hành danh mục vị trí việc làm của đơn vị theo quy định của <a href="#">Luật Giáo dục đại học</a> và Nghị định này.</p>	
<p><b>Điều 8. Hồ sơ trình, nội dung và thời hạn thẩm định đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức</b></p>	<p><b>Điều 7. Hồ sơ và thời hạn thẩm định Đề án vị trí việc làm</b></p>	<p><b>Điều 9. Hồ sơ trình, nội dung và thời hạn thẩm định đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (gộp Điều 8 Nghị định 62 và Điều 7 Nghị định 106 và biên tập lại)</b></p>

<p>1. Hồ sơ trình đề án vị trí việc làm, bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị phê duyệt đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Đề án vị trí việc làm;</p> <p>c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Nội dung đề án vị trí việc làm</p> <p>a) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp của từng công việc trong cơ quan, tổ chức;</p> <p>c) Xác định vị trí việc làm, gồm: Bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức đối với từng vị trí việc làm;</p> <p>d) Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức;</p> <p>đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).</p> <p>3. Nội dung thẩm định:</p> <p>a) Hồ sơ trình phê duyệt đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng đề án vị trí việc làm;</p>	<p>1. Hồ sơ đề nghị thẩm định Đề án vị trí việc làm gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thẩm định Đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Đề án vị trí việc làm;</p> <p>c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>d) Các văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng đề án vị trí việc làm (nếu có).</p> <p>2. Nội dung Đề án vị trí việc làm gồm:</p> <p>a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp;</p> <p>c) Xác định vị trí việc làm, trong đó có: Bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm;</p> <p>d) Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).</p> <p>3. Thời hạn thẩm định</p> <p>Trong thời hạn 40 ngày (đối với hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt lần đầu), 25</p>	<p>1. Hồ sơ trình thẩm định Đề án vị trí việc làm, bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Đề án vị trí việc làm;</p> <p>c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Nội dung đề án vị trí việc làm</p> <p>a) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Thống kê và phân nhóm công việc theo chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ phức tạp của từng công việc trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>c) Xác định vị trí việc làm, gồm: Tên vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm;</p> <p>d) Tổng hợp vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức hành chính, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>đ) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).</p> <p>3. Nội dung thẩm định:</p> <p>a) Hồ sơ trình phê duyệt Đề án vị trí việc làm;</p> <p>b) Cơ sở pháp lý của việc xây dựng Đề án vị trí việc làm;</p>
---	--	---

<p>c) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức.</p> <p>4. Thời hạn thẩm định</p> <p>Trong thời hạn 40 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt lần đầu), 25 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định Đề án vị trí việc làm quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này phải hoàn thành việc thẩm định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp cấp có thẩm quyền yêu cầu điều chỉnh hoặc không đồng ý thì cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>ngày (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định Đề án vị trí việc làm quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này phải hoàn thành việc thẩm định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định không đồng ý thì thông báo bằng văn bản cho đơn vị sự nghiệp công lập và nêu rõ lý do.</p>	<p>c) Vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức hành chính, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>4. Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 40 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt lần đầu), 25 ngày làm việc (đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh) kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 Nghị định này thẩm định, trình người đứng đầu bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm thẩm định có văn bản và nêu rõ lý do gửi cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung, hoàn thiện.</p>
<p><b>Điều 9. Điều chỉnh vị trí việc làm</b></p> <p>1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này kèm</p>	<p><b>Điều 8. Điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp</b></p> <p>1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;</p> <p>b) Đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p><b>Điều 10. Điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp</b> (gộp Điều 9 Nghị định 62 và Điều 8 Nghị định 106 và biên tập lại)</p> <p>1. Việc điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>

<p>theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh vị trí việc làm.</p>	<p>2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định này.</p>	<p>2. Trình tự phê duyệt, hồ sơ điều chỉnh vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này.</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương III BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương III SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương III BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP</b></p>
		<p style="text-align: center;"><b>Mục 1 BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC</b></p>
<p><b>Điều 10. Trình tự phê duyệt biên chế công chức hằng năm</b></p> <p>1. Các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, địa phương căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức biên chế công chức để xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định kế hoạch biên chế công chức hằng năm của các cơ quan, tổ chức; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm của bộ, ngành, địa phương đề bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định.</p> <p>3. Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế công chức hằng năm của bộ, ngành, địa phương; tổng hợp kế hoạch biên chế công chức hằng năm của bộ, ngành, địa phương trình Thủ</p>		<p><b>Điều 11. Trình tự phê duyệt biên chế công chức 5 năm (biên tập lại Điều 10 Nghị định 62)</b></p> <p>1. Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này để xây dựng kế hoạch biên chế công chức 5 năm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ ngành; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành trình người đứng đầu để gửi Bộ Nội vụ.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của địa phương thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm của địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi</p>

<p>tướng Chính phủ phê duyệt; quyết định giao biên chế công chức đối với từng bộ, ngành, địa phương sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p> <p>4. Bộ, ngành, địa phương quyết định giao biên chế công chức đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, địa phương trong số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao.</p>		<p>cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở địa phương cho ý kiến trước khi gửi Bộ Nội vụ.</p> <p>3. Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế công chức 5 năm của từng bộ, ngành và tổng hợp kế hoạch biên chế công chức 5 năm của địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế. Căn cứ số biên chế công chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở Trung ương thông qua, Bộ Nội vụ trình Chính phủ giao biên chế công chức cho các bộ, ngành và trình Chính phủ có văn bản đề nghị địa phương quyết định cụ thể biên chế công chức của từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>4. Bộ, ngành, địa phương quyết định giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành, địa phương trong tổng số biên chế công chức 5 năm được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.</p>
<p><b>Điều 11. Nội dung kế hoạch biên chế công chức hằng năm</b></p> <p>1. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch biên chế công chức hàng năm.</p> <p>2. Báo cáo đánh giá việc giao và sử dụng biên chế công chức của năm trước liền kề với năm kế hoạch tại thời điểm lập kế hoạch.</p> <p>3. Xác định biên chế công chức của năm kế hoạch; kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu biên chế công chức của năm kế hoạch theo Phụ</p>		<p><b>Điều 12. Nội dung kế hoạch biên chế công chức 5 năm (biên tập lại Điều 11 Nghị định 62)</b></p> <p>1. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch biên chế công chức 5 năm.</p> <p>2. Báo cáo đánh giá việc giao, quản lý và sử dụng biên chế công chức 5 năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch.</p> <p>3. Kế hoạch biên chế công chức 5 năm và hàng năm của từng cơ quan, tổ chức; kèm theo việc thống</p>

<p>lục IA hoặc Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế công chức sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn công chức bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện.</p> <p>5. Kiến nghị, đề xuất.</p>		<p>kê, tổng hợp số liệu biên chế công chức theo Phụ lục IA hoặc Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>4. Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế công chức sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn công chức bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện.</p> <p>5. Kiến nghị, đề xuất.</p>
<p><b>Điều 12. Hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức hằng năm</b></p> <p>1. Hồ sơ kế hoạch biên chế công chức hằng năm, gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị kế hoạch biên chế công chức hằng năm;</p> <p>b) Kế hoạch biên chế công chức hằng năm của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;</p> <p>c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt biên chế công chức của năm trước liền kề với năm kế hoạch.</p> <p>2. Thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức hằng năm</p> <p>a) Chậm nhất là ngày 15 tháng 6 hằng năm, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ kế hoạch biên chế công chức quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Nội vụ để thẩm định.</p>		<p><b>Điều 13. Hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức 5 năm (biên tập lại Điều 12 Nghị định 62)</b></p> <p>1. Hồ sơ kế hoạch biên chế công chức 5 năm, gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị kế hoạch biên chế công chức 5 năm;</p> <p>b) Kế hoạch biên chế công chức 05 năm của cơ quan, tổ chức theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;</p> <p>c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt biên chế công chức 5 năm, hàng năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch.</p> <p>2. Thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức 5 năm</p> <p>a) Trước ngày 01 tháng 4 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế công chức 5 năm, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ kế hoạch biên chế công chức quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Nội vụ;</p>

<p>b) Chậm nhất là ngày 20 tháng 7 hằng năm, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng biên chế công chức của các bộ, ngành, địa phương.</p> <p>c) Trường hợp các bộ, ngành, địa phương không gửi kế hoạch biên chế công chức đúng thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định biên chế công chức của bộ, ngành, địa phương đó với tỷ lệ tinh giản biên chế cao hơn 1% so với tỷ lệ tinh giản biên chế theo lộ trình hằng năm.</p>		<p>b) Trước ngày 01 tháng 6 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế công chức 5 năm, Bộ Nội vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế quyết định tổng biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.</p>
<p><b>Điều 13. Điều chỉnh biên chế công chức</b></p> <p>1. Việc điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức được xem xét trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;</p> <p>b) Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.</p> <p>2. Hồ sơ, trình tự điều chỉnh biên chế công chức</p> <p>a) Hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh biên chế công chức; đề án điều chỉnh biên chế công chức; các</p>		<p><b>Điều 14. Điều chỉnh biên chế công chức</b> (<i>biên tập lại Điều 13 Nghị định 62</i>)</p> <p>1. Việc điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức được xem xét trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;</p> <p>b) Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.</p> <p>2. Hồ sơ, trình tự điều chỉnh biên chế công chức</p> <p>a) Hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh biên chế công chức; đề án điều chỉnh biên chế công chức; các tài liệu liên quan đến điều chỉnh biên chế công chức kèm theo;</p> <p>b) Đối với việc điều chỉnh bổ sung biên chế công chức của bộ, ngành, địa phương, các bộ, ngành, địa</p>

<p>tài liệu liên quan đến điều chỉnh biên chế công chức kèm theo;</p> <p>b) Đối với việc điều chỉnh tăng biên chế công chức hoặc điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành, địa phương, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;</p> <p>c) Đối với việc điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành, địa phương với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ điều chuyển biên chế công chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để quyết định. Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt biên chế công chức hằng năm.</p>		<p>phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ thẩm định, tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế;</p> <p>c) Đối với việc điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành, địa phương với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế công chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để quyết định. Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.</p>
		<p><b>Mục 2</b> <b>BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP</b></p>
	<p><b>Điều 9. Trình tự phê duyệt số lượng người làm việc hàng năm</b></p> <p>1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực để lập kế hoạch số lượng người làm</p>	<p><b>Điều 15. Trình tự phê duyệt biên chế sự nghiệp</b> <i>(biên tập lại Điều 9 Nghị định 106)</i></p> <p>1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về định mức biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực để lập kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm; tổ chức thẩm định</p>



việc hàng năm; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

a) Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, đơn vị sự nghiệp công lập lập kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị mình, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản này. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định

và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt, gửi cơ quan quản lý trực tiếp để quản lý. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã thành lập Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt sau khi trình Hội đồng quản lý thông qua.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương, căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định này và văn bản hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực về định mức biên chế sự nghiệp để xây dựng kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm của đơn vị mình phù hợp với Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b, điểm c khoản này. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch biên chế sự nghiệp gồm: Biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp;

b) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành thẩm định kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; tổng hợp kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công

số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập, tổng hợp số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương trình người đứng đầu bộ, ngành, địa phương để gửi Bộ Nội vụ thẩm định.

c) Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương.

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Bộ Nội vụ thẩm định; quyết định giao số lượng người làm

lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành trình người đứng đầu bộ, ngành để gửi Bộ Nội vụ;

c) Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của địa phương thẩm định kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tổng hợp kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở địa phương cho ý kiến trước khi gửi Bộ Nội vụ;

d) Bộ Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; tổng hợp biên chế sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế. Căn cứ số biên chế sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở Trung ương thông qua, Bộ Nội vụ trình Chính phủ giao biên chế sự nghiệp cho các bộ, ngành và trình Chính phủ có văn bản đề nghị địa phương quyết định cụ thể biên chế sự nghiệp của từng đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân phê duyệt; quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

đ) Người đứng đầu bộ, ngành quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm được Chính phủ giao; quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm sau khi có văn bản của Chính phủ; quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng biên chế sự nghiệp được Hội đồng nhân dân phê duyệt; quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

		<p><b>Điều 16. Nội dung kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm</b> (tách nội dung khoản 2 Điều 10 Nghị định 106 để biên tập thành 01 điều riêng để thống nhất với kế hoạch biên chế công chức)</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm.</li> <li>2. Báo cáo đánh giá việc giao, quản lý và sử dụng biên chế sự nghiệp 5 năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch.</li> <li>3. Xác định biên chế sự nghiệp kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu biên chế sự nghiệp của 5 năm và hàng năm theo Phụ lục IC, Phụ lục ID, Phụ lục IIC và Phụ lục IID ban hành kèm theo Nghị định này.</li> <li>4. Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế sự nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn viên chức, hợp đồng lao động bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện.</li> <li>5. Kiến nghị, đề xuất.</li> </ol>
	<p><b>Điều 10. Hồ sơ và thời hạn gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hồ sơ kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản đề nghị;</li> <li>b) Kế hoạch số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi</li> </ol> </li> </ol>	<p><b>Điều 17. Hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm</b> (biên tập lại khoản 1 và khoản 3 Điều 10 Nghị định 106)</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hồ sơ kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản đề nghị kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm;</li> </ol> </li> </ol>

quản lý của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này, kèm theo văn bản làm cơ sở xác định số lượng người làm việc;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị hoặc của bộ, ngành, địa phương của năm trước liền kề với năm kế hoạch;

d) Các văn bản liên quan (nếu có).

2. Nội dung kế hoạch số lượng người làm việc gồm:

a) Sự cần thiết của việc lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm;

b) Báo cáo đánh giá việc giao và sử dụng số lượng người làm việc của năm trước liền kề năm lập kế hoạch và tại thời điểm lập kế hoạch;

c) Xác định số lượng người làm việc kèm theo việc thống kê, tổng hợp số liệu số lượng người làm việc của năm kế hoạch theo Phụ lục IA, Phụ lục IB, Phụ lục IIA và Phụ lục IIB ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Giải pháp thực hiện kế hoạch số lượng người làm việc sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn viên chức, hợp đồng lao động bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện;

b) Kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này, kèm theo văn bản làm cơ sở xác định biên chế sự nghiệp;

c) Bản sao các văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập của đơn vị hoặc của bộ, ngành, địa phương 5 năm và hàng năm trước liền kề với 5 năm kế hoạch;

d) Các văn bản liên quan (nếu có).

2. Thời gian gửi kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm

a) Trước ngày 01 tháng 4 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Nội vụ;

b) Trước ngày 01 tháng 6 năm trước liền kề năm đầu tiên của kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Nội vụ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế về kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương.

	<p>đ) Kiến nghị, đề xuất.</p> <p>3. Thời gian gửi kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của bộ, ngành, địa phương</p> <p>a) Trước ngày 01 tháng 5 hàng năm, bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liên kết về Bộ Nội vụ.</p> <p>b) Sau thời hạn quy định tại điểm a khoản này, bộ, ngành, địa phương không gửi kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của năm tiếp theo liên kết thì Bộ Nội vụ sẽ thông báo tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương với tỷ lệ tinh giản biên chế cao hơn 01% (một phần trăm) so với tỷ lệ tinh giản biên chế theo lộ trình quy định.</p>	
	<p><b>Điều 11. Điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm</b></p> <p>1. Việc điều chỉnh số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>Điều 18. Điều chỉnh biên chế sự nghiệp</b> (<i>biên tập lại Điều 11 Nghị định 106</i>)</p> <p>1. Việc điều chỉnh biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện trong các trường hợp sau:</p>

	<p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;</p> <p>b) Đơn vị sự nghiệp công lập thành lập, tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Trình tự, hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này.</p>	<p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này;</p> <p>b) Đơn vị sự nghiệp công lập thành lập, tổ chức lại theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Hồ sơ, trình tự điều chỉnh biên chế sự nghiệp</p> <p>a) Hồ sơ điều chỉnh biên chế sự nghiệp gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh biên chế sự nghiệp; đề án điều chỉnh biên chế sự nghiệp; các tài liệu liên quan đến điều chỉnh biên chế sự nghiệp kèm theo;</p> <p>b) Đối với việc điều chỉnh bổ sung biên chế sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương, các bộ, ngành, địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để thẩm định, tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế;</p> <p>c) Đối với việc điều chuyển biên chế sự nghiệp giữa các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành, địa phương với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này, các bộ, ngành địa phương gửi hồ sơ điều chỉnh biên chế sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Bộ Nội vụ để quyết định. Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành, địa phương.</p>
<b>Chương IV</b>	<b>Chương IV</b>	<b>Chương IV</b>

<p><b>TRÁCH NHIỆM, THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC</b></p>	<p><b>TRÁCH NHIỆM VÀ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b></p>	<p><b>TRÁCH NHIỆM, THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP</b></p>
		<p><b>Điều 19. Trách nhiệm, thẩm quyền của Chính phủ (bổ sung mới)</b></p> <p>1. Ban hành quy định về vị trí việc làm, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương.</p> <p>2. Giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp đối với Bộ, ngành, địa phương sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Đảng ở Trung ương thông qua.</p>
<p><b>Điều 14. Trách nhiệm, thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập</b></p> <p>1. Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.</p> <p>2. Xây dựng vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc ngành, lĩnh</p>	<p><b>Điều 12. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu bộ, ngành</b></p> <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ</p> <p>a) Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p>	<p><b>Điều 20. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu bộ, ngành (gộp Điều 14 Nghị định 62 và Điều 12 Nghị định 106 và biên tập lại)</b></p> <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ</p> <p>a) Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; hướng dẫn về vị trí việc làm viên chức lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;</p>



vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ để Bộ Nội vụ ban hành.

3. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành xây dựng đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm; thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm; quyết định, điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức; thẩm định kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành; tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

5. Quyết định giao biên chế công chức đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ngành trong số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao.

6. Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức của bộ, ngành, gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

7. Định kỳ chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm, thống kê và báo cáo về vị trí việc làm, tình hình thực hiện biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIA và Phụ lục IIIA ban hành kèm theo Nghị

b) Xây dựng vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ để Bộ Nội vụ ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập

a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

b) Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thẩm định, tổng hợp kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định này gửi Bộ Nội vụ để thẩm định.

d) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

b) Xây dựng vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý gửi Bộ Nội vụ để ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm; phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh biên chế sự nghiệp; tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh biên chế sự nghiệp gửi Bộ Nội vụ;

định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

9. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên trong tổng số người làm việc được Bộ Nội vụ thẩm định.

đ) Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

e) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý và thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành.

g) Định kỳ hàng năm thống kê, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao;

d) Quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm, điều chỉnh biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao;

đ) Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý vị trí việc làm đối với cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

h) Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

		<p>i) Trước ngày 01 tháng 02 hàng năm, thống kê và báo cáo về vị trí việc làm, tình hình thực hiện biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIA, Phụ lục IIIA, Phụ lục IIIC và Phụ lục IVC ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p>
<p><b>Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b></p> <p>Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao.</p>	<p><b>Điều 13. Trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b></p> <p>Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương.</p>	<p><b>Điều 21. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gộp Điều 15 Nghị định 62 và Điều 13 Nghị định 106 và biên tập lại)</b></p> <p>1. Quyết định biên chế công chức hàng năm trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao.</p> <p>2. Phê duyệt biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Chỉ đạo cơ quan của Hội đồng nhân dân xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm; xác định cơ cấu ngạch công chức; phê duyệt</p>

		<p>ơ cấu ngạch công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân.</p>
<p><b>Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b></p> <p>1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc địa phương xây dựng đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm; thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm; quyết định, điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>2. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc địa phương lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức; thẩm định kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức gửi Bộ Nội vụ theo quy định.</p> <p>3. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và triển khai thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân quyết định.</p> <p>4. Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân gửi Bộ Nội vụ theo quy định.</p> <p>5. Định kỳ chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm, thống kê và báo cáo về vị trí việc</p>	<p><b>Điều 14. Trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b></p> <p>1. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.</p> <p>2. Phân cấp hoặc ủy quyền quản lý, sử dụng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>3. Tổ chức thẩm định, tổng hợp kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định này gửi Bộ Nội vụ để thẩm định.</p> <p>4. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc đã được Bộ Nội vụ thẩm định.</p> <p>5. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công</p>	<p><b>Điều 22. Trách nhiệm và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gộp Điều 16 Nghị định 62 và Điều 14 Nghị định 106 và biên tập lại)</b></p> <p>1. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng Đề án vị trí việc làm hoặc Đề án điều chỉnh vị trí việc làm, xác định cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; phê duyệt Đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm; phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>2. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh số Biên chế sự nghiệp; tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức 05 năm, kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm hoặc điều chỉnh biên chế công chức, điều chỉnh biên chế sự nghiệp, gửi Bộ Nội vụ.</p> <p>3. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định biên chế công chức hàng năm trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong tổng số biên chế công chức 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao; phê duyệt số biên chế sự nghiệp</p>

làm, tình hình thực hiện biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIB và Phụ lục IIIB ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

7. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

6. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Định kỳ hàng năm, thống kê, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Nội vụ trước ngày

hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của địa phương trong tổng số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm được cơ quan có thẩm quyền giao.

4. Giao biên chế công chức hàng năm đối với từng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân quyết định.

5. Giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm, điều chỉnh biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân phê duyệt.

6. Quyết định giao, điều chỉnh biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

8. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu

	<p>31 tháng 01 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>9. Trước ngày 01 tháng 02 hàng năm, thống kê và báo cáo về vị trí việc làm, tình hình thực hiện biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của năm trước liền kề theo Phụ lục IIB, Phụ lục IIIB, Phụ lục IIIC và Phụ lục IVC ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p>
<p><b>Điều 17. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ</b></p> <p>1. Trình Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, biên chế công chức.</p> <p>2. Hướng dẫn về xác định cơ cấu ngạch công chức.</p> <p>3. Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương, vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý.</p>	<p><b>Điều 15. Trách nhiệm và thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ</b></p> <p>1. Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>2. Trước ngày 01 tháng 7 hàng năm, thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự</p>	<p><b>Điều 23. Trách nhiệm và thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (gộp Điều 17 Nghị định 62 và Điều 15 Nghị định 106 và biên tập lại)</b></p> <p>1. Trình Chính phủ quy định về vị trí việc làm, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương.</p> <p>2. Hướng dẫn về xác định cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương.</p>

4. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng biên chế công chức, biên chế công chức dự phòng, biên chế công chức làm việc ở nước ngoài của bộ, ngành, địa phương.

5. Quyết định giao biên chế công chức đối với từng bộ, ngành, địa phương sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Quyết định giao biên chế công chức làm việc ở nước ngoài đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

7. Trình Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh tăng biên chế công chức đối với bộ, ngành, địa phương trong phạm vi biên chế công chức dự phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hằng năm; điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành, địa phương.

8. Quyết định điều chỉnh tăng biên chế công chức đối với bộ, ngành, địa phương; điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành, địa phương sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

9. Quyết định điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành, địa phương với các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

nghiệp công lập của năm sau liền kề đối với bộ, ngành, địa phương theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định này. Trường hợp số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tăng so với số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được thẩm định của năm trước liền kề thì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi gửi văn bản thẩm định số lượng người làm việc đối với bộ, ngành, địa phương.

3. Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cả nước; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

4. Kiểm tra, thanh tra, đôn đốc việc thực hiện quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Thẩm định và tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế kế hoạch 5 năm biên chế công chức của các Bộ, ngành, địa phương, biên chế công chức làm việc ở nước ngoài; điều chỉnh bổ sung biên chế công chức, biên chế công chức làm việc ở nước ngoài của bộ, ngành và biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương theo quy định.

5. Thẩm định và tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế kế hoạch biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của từng bộ, ngành, địa phương.

6. Thẩm định và tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế điều chỉnh tăng biên chế công chức; điều chỉnh bổ sung biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương.

<p>10. Quyết định và quản lý về số lượng ngạch và cơ cấu ngạch công chức theo đề nghị của các bộ, ngành và địa phương.</p> <p>11. Tổng hợp, thống kê vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong phạm vi cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>12. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý biên chế công chức đối với các bộ, ngành, địa phương.</p> <p>13. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quản lý, sử dụng biên chế công chức thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>		<p>7. Báo cáo Chính phủ để giao biên chế công chức 5 năm đối với từng bộ, ngành và từng địa phương sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao.</p> <p>8. Giao biên chế 5 năm của hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao.</p> <p>9. Quyết định điều chỉnh bổ sung biên chế công chức, biên chế công chức làm việc ở nước ngoài đối với từng bộ, ngành sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định.</p> <p>10. Quyết định điều chuyển biên chế công chức làm việc ở nước ngoài giữa nước này sang nước khác theo đề nghị của bộ, ngành và ý kiến của Bộ Ngoại giao; điều chuyển biên chế công chức giữa các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương hoặc giữa bộ, ngành với cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền khi trình biên chế công chức 5 năm của bộ, ngành.</p> <p>11. Báo cáo Chính phủ để giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 5 năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của bộ, ngành, địa phương sau khi được cấp có thẩm quyền giao.</p> <p>12. Báo cáo Chính phủ để giao điều chỉnh bổ sung biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi</p>
--	--	--



		<p>thương xuyên cho các bộ, ngành, địa phương sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định.</p> <p>13. Tổng hợp, thống kê vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>14. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, ngành, địa phương.</p> <p>15. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>
		<p><b>Điều 24. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng cơ quan, tổ chức hành chính thuộc bộ, ngành, địa phương (bổ sung mới)</b></p> <p>1. Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch biên chế công chức, điều chỉnh biên chế công chức; xác định cơ cấu ngạch công chức gửi cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ của bộ, ngành, địa phương. Quản lý, sử dụng biên chế công chức được giao theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, biên</p>

		chế công chức trong cơ quan, tổ chức mình, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.
	<p><b>Điều 16. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập</b></p> <p>1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên</p> <p>a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch số lượng người làm việc.</p> <p>b) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; quyết định số lượng người làm việc của đơn vị, bảo đảm không được thấp hơn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, không làm tăng kinh phí chi đầu tư đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.</p> <p>c) Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.</p> <p>2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</p>	<p><b>Điều 25. Trách nhiệm và thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập</b> (sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị định 106)</p> <p>1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên</p> <p>a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch biên chế sự nghiệp, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;</p> <p>b) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị; quyết định biên chế sự nghiệp của đơn vị, bảo đảm không được thấp hơn định mức biên chế sự nghiệp việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, bảo đảm phù hợp với Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Quản lý, sử dụng biên chế sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế sự nghiệp của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.</p> <p>2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự</p>

	<p>và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên</p> <p>a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm; trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.</p> <p>b) Chỉ đạo lập kế hoạch số lượng người làm việc, kế hoạch điều chỉnh số lượng người làm việc hàng năm của đơn vị theo quy định tại Nghị định này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>c) Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.</p>	<p>ng nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên</p> <p>a) Chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;</p> <p>b) Chỉ đạo lập kế hoạch biên chế sự nghiệp 5 năm, điều chỉnh biên chế sự nghiệp theo quy định tại Nghị định này, gửi cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định này để thẩm định. Quản lý, sử dụng biên chế sự nghiệp được giao theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>c) Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế sự nghiệp của đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý trực tiếp để tổng hợp báo cáo theo quy định.</p>
<p><b>Chương V</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p><b>Chương V</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p><b>Chương V</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>
<p><b>Điều 18. Xử lý trách nhiệm</b></p> <p>Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức thực hiện không đúng quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức tại Nghị định này bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật và đưa vào xem xét phân loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí</p>	<p><b>Điều 17. Xử lý trách nhiệm</b></p> <p>Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, Hội đồng quản lý (đối với đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý) và Hội đồng trường (đối với trường đại học công lập) thực hiện không đúng quy định tại Nghị định này thì bị xem xét đánh giá, xếp loại ở mức</p>	<p><b>Điều 26. Xử lý trách nhiệm</b> (<i>gộp Điều 18 Nghị định 62 và Điều 17 Nghị định 106 và biên tập lại</i>)</p> <p>Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Hội đồng quản lý (đối với đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý) và Hội đồng trường (đối với cơ sở giáo dục đại học công lập) thực hiện không đúng quy định tại Nghị định này thì bị xem xét đánh giá, xếp loại</p>

<p>đã sử dụng vượt quá số biên chế công chức được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc sử dụng không đúng quy định về quản lý và sử dụng biên chế công chức.</p>	<p>hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật.</p>	<p>ở mức hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật; đồng thời phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng vượt quá số biên chế công chức, biên chế sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền giao.</p>
	<p><b>Điều 18. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác</b></p> <p>Các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được áp dụng các quy định của Nghị định này trong việc xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc của đơn vị.</p>	<p><b>Điều 27. Áp dụng quy định của Nghị định này đối với các đối tượng khác (chuyển từ Nghị định 106 sang)</b></p> <p>Các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được áp dụng các quy định của Nghị định này trong việc xác định vị trí việc làm, biên chế sự nghiệp của đơn vị.</p>
<p><b>Điều 19. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2020. Nghị định này thay thế Nghị định số <a href="#">36/2013/NĐ-CP</a> ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Nghị định số <a href="#">21/2010/NĐ-CP</a> ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức và Nghị định số <a href="#">110/2015/NĐ-CP</a> ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định</p>	<p><b>Điều 20. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020 và thay thế Nghị định số <a href="#">41/2012/NĐ-CP</a> ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>2. Bãi bỏ các nội dung quy định về tự chủ nhân sự quy định tại Nghị định số <a href="#">16/2015/NĐ-CP</a> ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p><b>Điều 28 Hiệu lực thi hành</b> (<i>gộp Điều 19 Nghị định 62 và Điều 20 Nghị định 106 và biên tập lại</i>)</p> <p>Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20... Nghị định này thay thế Nghị định số <a href="#">62/2020/NĐ-CP</a> ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số <a href="#">106/2020/NĐ-CP</a> ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.</p>

<p>số <a href="#">21/2010/NĐ-CP</a> ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức.</p> <p>2. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2020, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương, định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn cụ thể việc xác định cơ cấu ngạch công chức.</p> <p>3. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, các bộ, ngành, địa phương phải hoàn thiện và ban hành quyết định vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý để thay thế các quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm của bộ, ngành, địa phương.</p>		
<p><b>Điều 20. Quy định chuyển tiếp</b></p> <p>Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm của các bộ, ngành, địa phương được tiếp tục thực hiện cho đến khi bộ, ngành, địa phương ban hành quyết định về vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định này.</p>	<p><b>Điều 19. Quy định chuyển tiếp</b></p> <p>1. Vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện cho đến khi bộ, ngành, địa phương ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn</p>	<p><b>Điều 29. Quy định chuyển tiếp</b> (<i>gộp Điều 20 Nghị định 62 và Điều 19 Nghị định 106 và biên tập lại</i>)</p> <p>1. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục vị trí việc làm của các bộ, ngành, địa phương được tiếp tục thực hiện cho đến khi bộ, ngành, địa phương ban hành quyết định về vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ được</p>

	<p>về định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.</p>	<p>tiếp tục thực hiện cho đến khi bộ, ngành, địa phương ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>3. Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức biên chế sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.</p>
<p><b>Điều 21. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>1. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý thực hiện về vị trí việc làm và biên chế công chức.</p> <p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p><b>Điều 21. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>1. Chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021, Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý; Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>2. Chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại khoản 1 Điều này, các</p>	<p><b>Điều 30. Trách nhiệm thi hành</b> (<i>gộp Điều 21 Nghị định 62 và Điều 21 Nghị định 106 và biên tập lại</i>)</p> <p>1. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý thực hiện về vị trí việc làm và biên chế công chức; hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện về vị trí việc làm và biên chế sự nghiệp.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng áp dụng quy định tại Nghị định này hướng dẫn về vị trí việc làm và biên chế sự nghiệp trong các đơn</p>

bộ, ngành, địa phương phải phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện về vị trí việc làm và số lượng người làm việc.

4. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng áp dụng quy định tại Nghị định này hướng dẫn về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc thù của lực lượng vũ trang.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với đặc thù của lực lượng vũ trang.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.